

Số: 738 /QĐ-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt bổ sung, điều chỉnh Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017-2022

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ đề nghị tại Tờ trình số 258/TTr-THPTHD ngày 02/6/2022 của Trường THPT Hải Đông về việc đề nghị phê duyệt Phương hướng, chiến lược phát triển Trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017-2022; Văn bản số 50/CL-THPTHD ngày 10/7/2017 Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017-2022; Văn bản số 156/CL-THPTHD ngày 05/9/2019 bổ sung, điều chỉnh Phương hướng, chiến lược phát triển Trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017-2022;

Theo đề nghị của Trường phòng Giáo dục phổ thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Bổ sung, điều chỉnh Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017-2022.

Điều 2. Trường THPT Hải Đông có trách nhiệm thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2017-2022 đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trường phòng: Giáo dục phổ thông, Kế hoạch-Tài chính, Tổ chức cán bộ và Quản lý chất lượng; Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Sở GDĐT; Hiệu trưởng Trường THPT Hải Đông căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, GDPT.

Ký bởi: Trần Đình Hải
Thời gian ký: 07.06.2022 10:27:29
+07:00

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Tuế

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH
TRƯỜNG THPT HẢI ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 258/TTr-THPTHĐ

Tiên Yên, ngày 02 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

Đề nghị phê duyệt “Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017 - 2022”

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh.

Thực hiện công tác xây dựng và phát triển nhà trường, ngày 10/7/2017 Hiệu trưởng Trường THPT Hải Đông đã ký ban hành Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017 - 2022, tiếp đó ngày 05/9/2019 Hiệu trưởng nhà trường đã ký ban hành văn bản bổ sung, điều chỉnh Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017 - 2022. Tuy nhiên do công tác báo cáo có thiếu sót (nhà trường chưa trình Sở kịp thời) nên Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017 - 2022 và văn bản bổ sung, điều chỉnh Phương hướng, chiến lược của nhà trường chưa được Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh phê duyệt.

Nay do nhu cầu công tác kiểm định chất lượng và xây dựng trường chuẩn quốc gia, nhà trường kính đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh xem xét, phê duyệt bổ sung: (1)- Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017 - 2022, (2): Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017 - 2022 (*điều chỉnh, bổ sung*).

Trường THPT Hải Đông kính trình Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh quan tâm, xem xét, sớm phê duyệt Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017 - 2022 để kịp thời đáp ứng được các nội dung yêu cầu trong công tác kiểm định chất lượng và xây dựng trường chuẩn quốc gia.

Trường THPT Hải Đông xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (để phê duyệt);
- Chi bộ, Ban giám hiệu;
- Các tổ chức, đoàn thể;
- Các tổ CM, VP;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Ngọc Tuấn

Số: 50/CL-THPTHĐ

Tiên Yên, ngày 10 tháng 7 năm 2017

PHƯƠNG HƯỚNG, CHIẾN LƯỢC
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THPT HẢI ĐÔNG
GIAI ĐOẠN 2017 - 2022

Nhằm thực hiện đường lối đổi mới giáo dục, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quan trọng như: Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa Giáo dục phổ thông; Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XIV, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Tiên Yên lần thứ XXIV, đòi hỏi các cơ sở giáo dục nói chung và các trường có cấp THPT nói riêng phải xây dựng chiến lược phát triển nhà trường phát triển của từng nhà trường trong từng thời kỳ, từng giai đoạn để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân đã giao phó.

Trường THPT Hải Đông có địa chỉ tại thôn Làng Đài, xã Đông Hải, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh; điện thoại: 0333745132. Nhà trường được thành lập từ năm 2006 theo Quyết định số 2871/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Trong suốt quá trình thành lập và phát triển, nhà trường đã đoàn kết, nhất trí, khắc phục mọi khó khăn hoàn thành nhiệm vụ được giao và đạt được nhiều thành tích đáng kể trong công tác giáo dục toàn diện học sinh.

Trường THPT Hải Đông đã vinh dự được nhận nhiều danh hiệu, hình thức khen thưởng như: Tập thể Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động xuất sắc, được UBND huyện, Sở GD&ĐT tặng Giấy khen và UBND tỉnh tặng Bằng khen.

Trên cơ sở đó, Trường THPT Hải Đông xây dựng “Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017 - 2022” như là sự tiếp nối “phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường THPT Hải Đông” của các giai đoạn trước đây.

“Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017 - 2022” xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các

quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động của Ban giám hiệu cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường. Xây dựng và triển khai “Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017 - 2022” là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện chính sách của Chính phủ về đổi mới giáo dục phổ thông, cùng với các trường THPT trong tỉnh xây dựng Ngành giáo dục Quảng Ninh phát triển theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của đất nước và hội nhập quốc tế.

PHẦN I. CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Luật Giáo dục ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 44/2009/QH12 ngày 25/11/2009;

Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT ngày 23/11/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên;

Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT sửa đổi Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông kèm theo Thông tư 28/2009/TT-BGDĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

Văn bản hợp nhất 03/VBHN-BGDĐT năm 2017 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hợp nhất Thông tư về việc ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông;

Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ X, XI, XII; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XIV, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Tiên Yên lần thứ XXIV và Nghị quyết Đại hội Chi bộ trường THPT Hải Đông nhiệm kỳ 2015-2020;

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về “một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”;

Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về “tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”;

Chỉ thị 40/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục;

Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/6/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Nghị quyết số 01-NQ/BTV ngày 12/11/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, giai đoạn 2010 - 2015, định hướng đến năm 2020;

Nghị quyết số 217/NQ-HĐND ngày 15/7/2015 của HĐND Tỉnh về Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 2099/QĐ-UBND ngày 23/7/2015 phê duyệt Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Chương trình hành động số 26-CTr/TU ngày 05/3/2014 của Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị TW 8 (Khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Chỉ thị số 25-CT/TU ngày 28/2/2014 của Tỉnh ủy Quảng Ninh về việc triển khai thực hiện Kết luận số 64-KL/TW ngày 28/5/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XI và Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 05/12/2013 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; tinh giản bộ máy, biên chế”;

Kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học của nhà trường trong các năm liền trước.

Phần II. PHÂN TÍCH BỐI CẢNH VÀ THỰC TRẠNG CỦA NHÀ TRƯỜNG

I. Bối cảnh quốc tế và trong nước

1. Bối cảnh quốc tế và khu vực

Trong xu thế toàn cầu hóa, kinh tế phát triển và cuộc cách mạng 4.0, các nước phát triển như Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản, Australia... đã có một nền giáo dục tiên tiến và phát triển, môi trường học tập tốt và nhiều cơ hội phát triển đã thu hút các học sinh, sinh viên giỏi trên khắp thế giới; đây là cơ hội và cũng là thách thức lớn đối với chúng ta.

Đông Nam Á, là khu vực chủ yếu gồm các nước có nền kinh tế đang phát triển, do đó cũng đang dốc sức đầu tư cho giáo dục rất nhiều. Trong đó phải kể đến một số nước có nền giáo dục tương đối phát triển, thu hút nhiều du học sinh nước ngoài như Singapore, Thái Lan, Malaysia... tuy nhiên, một số nước cũng có tình hình chính trị không mấy ổn định.

Tình hình giáo dục quốc tế và khu vực như vậy đặt giáo dục Việt Nam nói chung và giáo dục ở từng địa phương nói riêng, trong đó có Trường THPT Hải Đông trước những cơ hội và thách thức, do đó việc thực hiện đổi mới trong giáo dục cũng như cách thức quản lý là vấn đề cấp thiết. Để thực hiện được nhiệm vụ này, cần xây dựng được một *“Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017 - 2022”* đúng đắn.

2. Bối cảnh trong nước

Kinh tế của đất nước ngày càng phát triển ổn định, bền vững. Đảng và nhà nước coi đầu tư cho giáo dục là quốc sách hàng đầu. Mục tiêu đổi mới giáo dục hướng tới xây dựng một nền giáo dục hiện đại, đủ sức gia nhập nền giáo dục thế giới. Chính sách mở cửa của giáo dục đã, đang và sẽ tạo ra nhiều cơ hội và thách thức với ngành. Các loại hình giáo dục trở nên đa dạng, phong phú và dân chủ hơn: giáo dục quốc dân không còn giữ độc quyền như trước nữa, thêm vào đó là nhiều loại hình giáo dục mới: dân lập, tư thục, liên kết nước ngoài, trường quốc tế... ở nhiều bậc học, cấp học. Ngân sách đầu tư cho xây dựng trường học và trang thiết bị phục vụ dạy học ngày càng nhiều hơn...

Đại hội lần thứ XI của Đảng xác định mục tiêu trong 5 năm (2015 - 2020) là: *“phát triển kinh tế tăng nhanh, bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng và an ninh được tăng cường, thể chế kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế nước ta trên trường quốc tế được nâng cao...”*. Để đạt được các mục tiêu trên, Đại hội chỉ rõ: *“Phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực; phát triển khoa học công nghệ và kinh tế tri thức”*.

Luật Giáo dục năm 2005 tạo hành lang pháp lý cho sự phát triển vững chắc theo định hướng xã hội chủ nghĩa của nền giáo dục nước ta, khuyến khích phát triển giáo dục dưới nhiều hình thức và tạo cơ chế quản lý linh hoạt theo hướng tăng cường quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục.

Thông báo số 242-TB/TW ngày 15/4/2009 đã chỉ rõ: Nước ta phấn đấu đến năm 2020, có một nền giáo dục tiên tiến mang đậm bản sắc dân tộc, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế:

- Thứ nhất, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, coi trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên, mở rộng quy mô giáo dục hợp lý.
- Thứ hai, đổi mới mạnh mẽ quản lý nhà nước đối với giáo dục và đào tạo.
- Thứ ba, xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng.
- Thứ tư, tiếp tục đổi mới chương trình, tạo chuyển biến mạnh mẽ về phương pháp giáo dục.
- Thứ năm, tăng cường nguồn lực cho giáo dục.
- Thứ sáu, đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục.
- Thứ bảy, tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo

Để thích ứng và phát triển trong môi trường giáo dục thay đổi nhanh chóng, các cơ sở giáo dục trong nước đang có những nỗ lực lớn, theo đuổi những chiến lược phát triển nhiều tham vọng và thách thức nhằm xây dựng, củng cố uy tín, danh tiếng của mình, đồng thời tập trung vào:

- Đổi mới chương trình, nội dung và phương pháp giảng dạy theo hướng hiện đại hóa và phù hợp với nhu cầu của xã hội.
- Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy có chất lượng cao.
- Hiện đại hóa cơ sở vật chất, hệ thống hạ tầng, các phương tiện dạy học, học cụ, học liệu.
- Tăng cường hoạt động hợp tác, giao lưu và chia sẻ kinh nghiệm trong giáo dục.

3. Bối cảnh của tỉnh Quảng Ninh, huyện Tiên Yên

Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh trong những năm gần đây có bước phát triển mạnh mẽ, tốc độ tăng trưởng ổn định, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao. Các cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo, đầu tư đúng hướng đối với giáo dục và đào tạo. Tỉnh đã huy động tốt nhất mọi nguồn lực đầu tư phát triển giáo dục.

Tiên Yên là huyện miền núi, ven biển, nằm ở trung tâm khu vực miền Đông của tỉnh Quảng Ninh, có tổng diện tích tự nhiên là 647km², với 12 đơn vị hành chính (11 xã, 01 thị trấn), 122 thôn, khu phố, dân số hơn 50 ngàn người, trong đó dân tộc thiểu số chiếm 50,2% (chủ yếu là đồng bào Dao, Tày, Sán Chỉ, Sán Dìu...). Là điểm nút các tuyến giao thông quan trọng: quốc lộ 18A, 18C, 4B... Huyện có vị trí thuận lợi cho giao thương kinh tế và phát triển văn hóa; được Chính phủ và tỉnh Quảng Ninh xác định là đô thị có chức năng dịch vụ tổng hợp quan trọng cho các khu kinh tế đặc biệt: Vân Đồn, Móng Cái và khu công nghiệp cảng biển Hải Hà..., có vị trí chiến lược khu vực phòng thủ về quốc phòng và an ninh của Tỉnh.

Những năm qua, hoạt động của hệ thống chính trị toàn huyện có nhiều đổi mới, được sắp xếp, kiện toàn, mối quan hệ công tác của các tổ chức được điều chỉnh hợp lý, chặt chẽ hơn, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức Đảng, vai trò quản lý điều hành của chính quyền được phát huy, chất lượng hoạt động của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể từng bước được nâng lên. Kinh tế - xã hội của huyện đang có những chuyển biến tích cực. Giá trị sản xuất tăng thêm trong 05 năm qua đạt trên 12%; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên; huyện đã có 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới; nhiều xã, thôn 135 thoát khỏi diện đặc biệt khó khăn (hiện huyện chỉ còn 01 xã và 16 thôn thuộc diện 135); tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm nhanh xuống còn 3,18%; an sinh xã hội được đảm bảo; văn hóa truyền thống các dân tộc được bảo tồn, giữ gìn và phát triển. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, không có điểm nóng về an ninh chính trị, phong trào xây dựng nông thôn mới được tổ chức rộng khắp trong toàn huyện, thu được nhiều kết quả quan trọng. Điều đó đặt ra yêu cầu cấp thiết với giáo dục chất lượng cao của huyện.

Tình hình thực tế này đòi hỏi nhà trường phải có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển hợp lý để thu hút những học sinh khá, giỏi vào học tại trường, vừa đáp ứng yêu cầu nguồn lực con người trong thời kỳ mới đồng thời khẳng định được thương hiệu của nhà trường trong hệ thống giáo dục của huyện Tiên Yên và tỉnh Quảng Ninh.

II. Đặc điểm tình hình nhà trường

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên hiện tại là: Tổng số 46 người, trong đó: Ban giám hiệu gồm 03 người, giáo viên đứng lớp gồm 38 người, nhân viên văn phòng gồm 05 người.

Về chất lượng đội ngũ: 100% đạt chuẩn đào tạo, trong đó có 02 thạc sĩ (Ban giám hiệu có 02 đồng chí đạt trình độ thạc sĩ).

1.2. Học sinh, chất lượng giáo dục

Trường THPT Hải Đông là trường liên cấp 2, 3, là trường hạng I khu vực miền núi.

Hiện nay nhà trường có 19 lớp (THCS: 10 lớp, THPT: 9 lớp) với 620 học sinh (THCS: 302 học sinh, THPT: 318 học sinh).

Vùng tuyển sinh cấp THCS của nhà trường là học sinh tốt nghiệp tiểu học thuộc xã Đông Hải (xét tuyển), vùng tuyển sinh cấp THPT là học sinh tốt nghiệp cấp THCS có hộ khẩu thường trú thuộc địa bàn các xã Đông Hải, Đông Ngũ, Đại Dục (thi tuyển).

Bảng 1: Kết quả xếp loại Học lực, Hạnh kiểm học sinh 3 năm gần nhất

Năm học	Học lực (%)					Hạnh kiểm (%)			
	Giỏi	Khá	TB	Yếu	Kém	Tốt	Khá	TB	Yếu
2014 - 2015	11,1	76,1	12,8	0,00	0,00	83,20	13,80	3,00	0,00
2015 - 2016	7,63	49,14	41,31	1,92	0,00	64,52	24,14	10,28	1,06
2016 - 2017	9,41	50,25	39,5	0,84	0,00	65,55	25,88	7,06	1,51

Bảng 2: Tỷ lệ tốt nghiệp THPT và đỗ đại học, cao đẳng

Năm học	Tỷ lệ TN THPT (%)	Tỷ lệ đỗ ĐH, CĐ (%)
2014 - 2015	100,0	37,3
2015 - 2016	98,92	40,2
2016 - 2017	100,0	40,8

Bảng 3: Số học sinh đạt giải các môn văn hóa, TDTT cấp tỉnh

Năm học	Số giải	Ghi chú
2014 - 2015	16 giải (07 giải KK, 06 giải ba, 02 giải nhì, 01 giải nhất)	
2015 - 2016	14 giải (08 giải KK, 05 giải ba, 01 giải nhì)	
2016 - 2017	13 giải (08 giải KK, 02 giải ba, 01 giải nhì)	

Các cuộc thi khác nhà trường đã động viên cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh tích cực tham gia cuộc thi và đã đạt giải cao từ cấp huyện đến cấp tỉnh.

1.3. Cơ sở vật chất

Trường được xây dựng từ năm 1998 trên khuôn viên rộng 10.656m² với cơ sở vật chất cơ bản được kiên cố hóa. Trường có 19 phòng học văn hóa với trang thiết bị cơ bản đáp ứng đủ cho hoạt động dạy và học của thầy và trò.

Trường có khối nhà hành chính quản trị; hệ thống phòng học bộ môn gồm 03 phòng (Tin học, Vật lý - Công nghệ, Sinh - Hóa), có hệ thống nước sạch và công trình vệ sinh đạt tiêu chuẩn.

Bảng 4: Cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý, dạy học.

A. Khối phòng học	Số lượng	Chia ra				Tạm
		Kiên cố		Bán k.cố		
		Tổng số	Làm mới	Tổng số	Làm mới	
<i>Số phòng học theo chức năng, chia ra:</i>						
- Phòng học văn hoá	19	14	0	5	0	0
- Phòng học bộ môn, trong đó:	3	3	0	0	0	0
Phòng bộ môn Vật lí - Công nghệ	1	1	0	0	0	0

Phòng bộ môn Hoá - Sinh	1	1	0	0	0	0
Phòng bộ môn Tin học	1	1	0	0	0	0
Số chỗ ngồi	Số lượng	Trong đó				
		Làm mới			Cải tạo	
Số chỗ ngồi trong phòng học văn hoá						
B. Khối phòng phục vụ học tập	Số lượng	Chia ra				
		Kiên cố		Bán k.cố		Tạm
		Tổng số	Làm mới	Tổng số	Làm mới	
<i>Số phòng theo chức năng, chia ra:</i>						
- Thư viện	1	1	0	0	0	0
- Phòng thiết bị giáo dục	0	0	0	0	0	1
- Phòng Đoàn, Đội	1	1	0	0	0	0
- Phòng truyền thống	0	0	0	0	0	0
C. Khối phòng khác	Số lượng	Chia ra				
		Kiên cố		Bán k.cố		Tạm
		Tổng số	Làm mới	Tổng số	Làm mới	
<i>Số phòng theo chức năng, chia ra:</i>						
- Phòng y tế học đường	1	1	0	0	0	0
- Khu vệ sinh dành cho giáo viên	1	1	0	0	0	0
- Khu vệ sinh dành cho HS nam	2	2	1	0	0	0
- Khu vệ sinh dành cho HS nữ	2	2	1	0	0	0
D. Khối phòng hành chính, quản trị	Số lượng	Chia ra				
		Kiên cố		Bán k.cố		Tạm
		Tổng số	Làm mới	Tổng số	Làm mới	
<i>Số phòng theo chức năng, chia ra:</i>						
- Phòng Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	0
- Phòng Phó Hiệu trưởng	2	2	0	0	0	0
- Phòng giáo viên	0	0	0	0	0	0
- Văn phòng trường	2	2	0	0	0	0
- Phòng thường trực	1	1	0	0	0	0
- Phòng kho lưu trữ	0	0	0	0	0	0
- Phòng khác	0	0	0	0	0	0
E. Khối công trình công cộng	Số lượng	Chia ra				
		Kiên cố		Bán k.cố		Tạm
		Tổng số	Làm mới	Tổng số	Làm mới	

Số phòng theo chức năng, chia ra:						
- Nhà xe giáo viên	2	2	0	0	0	0
- Nhà xe học sinh	3	3	1	0	0	0
Cơ sở vật chất khác					Số lượng	
Diện tích đất (m²)						
- Tổng diện tích đất						10.656
- Trong đó: Diện tích đất được cấp						10.656
- Diện tích đất sân chơi, bãi tập						3.565
Tổng diện tích một số loại phòng (m²), chia ra:						
- Phòng học văn hoá						1.006
- Phòng học bộ môn, trong đó:						216
+ Phòng bộ môn Vật lí - Công nghệ						54
+ Phòng bộ môn Hoá học - Sinh học						54
+ Phòng bộ môn Tin học						54
- Thư viện						36
Thiết bị dạy học tối thiểu (đơn vị: bộ)					Bộ đầy đủ	Bộ chưa đầy đủ
Tổng số:					1067	213
Chia ra: - Khối lớp 6					133	50
- Khối lớp 7					181	38
- Khối lớp 8					274	55
- Khối lớp 9					264	29
- Khối lớp 10					164	14
- Khối lớp 11					143	24
- Khối lớp 12					178	3
Thiết bị phục vụ giảng dạy						
Tổng số máy vi tính là 30 đang được sử dụng, chia ra:						
- Máy vi tính phục vụ học tập						30
- Máy vi tính phục vụ quản lý, trong đó:						8
Máy vi tính đang được nối internet						
- Số máy photocopy						1
- Số máy scanner						1
- Số máy in						9
- Số thiết bị nghe nhìn, trong đó:						
+ Tivi						1
+ Cát xét						2
+ Đầu video						0
+ Máy chiếu Projector						20
Loại nhà vệ sinh					Số lượng (nhà)	

	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	
		Chung	Nam/Nữ
Đạt chuẩn vệ sinh	1	0	2

Có đủ phòng chức năng cho Ban giám hiệu, kế toán, văn thư, thủ quỹ, Công đoàn, Đoàn TNCS, Đội TNTP và nhà để xe cho cán bộ, giáo viên nhân viên, học sinh.

Thư viện được quan tâm đầu tư, có tương đối đầy đủ tài liệu tham khảo phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập; có trang website phục vụ công tác của nhà trường.

2. Điểm mạnh

2.1. Công tác quản lý và điều hành của Ban giám hiệu

Ban giám hiệu nhà trường là một tập thể đoàn kết, có tầm nhìn khoa học, sáng tạo. Trong công tác chỉ đạo, điều hành luôn chủ động, có kế hoạch cụ thể, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

Công tác triển khai, kiểm tra, đánh giá sâu sát, thực chất và đổi mới. Khi thực hiện luôn chủ động điều chỉnh kế hoạch kịp thời, linh hoạt và sát với thực tế. Được sự tin tưởng cao của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh nhà trường.

2.2. Đội ngũ giáo viên, nhân viên

Là một tập thể đoàn kết, nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường, mong muốn nhà trường phát triển, chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

Chấp hành tốt kỷ luật lao động, nội quy, quy chế chuyên môn; năng động, sáng tạo, có tinh thần chia sẻ và hợp tác với đồng nghiệp, có ý thức đổi mới phương pháp giảng dạy theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

2.3. Chất lượng giáo dục

Tỷ lệ học sinh giỏi, học sinh có hạnh kiểm tốt đạt cao và ổn định hàng năm. Chất lượng thi tốt nghiệp THPT hàng năm duy trì ở mức cao.

Công tác bồi dưỡng mũi nhọn được quan tâm đúng mức, kết quả ổn định và từng bước phát triển.

2.4. Cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất đã đáp ứng được yêu cầu tối thiểu trong việc dạy và học trong giai đoạn hiện nay.

2.5. Thành tích nổi bật

Đã khẳng định được vị trí trong ngành giáo dục tỉnh Quảng Ninh, được học sinh và cha mẹ học sinh tin cậy.

Trong những năm học gần đây nhà trường luôn đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến và Tập thể Lao động xuất sắc; Chi bộ Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ. Công đoàn, Đoàn thanh niên luôn là tổ chức cơ sở vững mạnh xuất sắc.

3. Điểm hạn chế

3.1. Việc tổ chức quản lý, điều hành của Ban giám hiệu

Một số cán bộ quản lý kinh nghiệm chưa nhiều nên chưa thật chủ động trong quản lý, điều hành.

Đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên còn mang tính động viên, chưa thực chất, phân công công tác chưa thực sự phù hợp với năng lực, trình độ, khả năng của một số giáo viên.

3.2. Đội ngũ giáo viên, nhân viên

Một bộ phận nhỏ giáo viên chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu đổi mới giảng dạy, giáo dục học sinh, còn có tâm lý ngại đổi mới.

Trình độ ngoại ngữ, tin học còn thấp, đây là trở ngại rất lớn trong việc tiếp cận những cái mới của khu vực và trên thế giới.

Việc tự học, tự bồi dưỡng còn có nhiều hạn chế; cập nhật thông tin, tri thức trên các phương tiện truyền thông còn yếu, đặc biệt là tìm kiếm trên mạng internet còn hạn chế.

Một bộ phận giáo viên tính ổn định chưa cao, hoàn cảnh khó khăn, ảnh hưởng không nhỏ tới công tác.

3.3. Chất lượng học sinh

Chất lượng chưa đồng đều đặc biệt học sinh thuộc địa bàn xã Đại Dực; một bộ phận học sinh thiếu ý thức vươn lên trong học tập và rèn luyện.

3.4. Cơ sở vật chất

Diện tích phòng học còn nhỏ, chưa đảm bảo đạt chuẩn, sân tập nhỏ hẹp, phòng học bộ môn còn thiếu nên khó khăn cho việc tổ chức hoạt động dạy, học và các hoạt động tập thể.

Trường chưa có trạm điện riêng để đảm bảo nguồn điện ổn định, phục vụ tốt cho công tác giảng dạy.

4. Thời cơ và thuận lợi

Luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể; đặc biệt là sự quan tâm, giúp đỡ, chỉ đạo trực tiếp của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên trẻ, được đào tạo cơ bản, có năng lực chuyên môn và kỹ năng sự phạm khá, đáp ứng được nhu cầu đổi mới và hội nhập.

Nhu cầu mang lại dịch vụ giáo dục chất lượng cao tại địa phương là rất lớn và ngày càng gia tăng.

5. Thách thức

Đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng giáo dục của cha mẹ học sinh và xã hội trong thời kỳ hội nhập.

Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phải đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

Ứng dụng CNTT trong giảng dạy, trình độ ngoại ngữ, khả năng sáng tạo của cán bộ, giáo viên, nhân viên còn hạn chế.

Các trường có cấp THPT trên địa bàn cũng không ngừng phát triển về quy mô, chất lượng, tạo nên sự cạnh tranh lớn giữa các trường.

6. Xác định các vấn đề ưu tiên

Kiến toàn và nâng cao chất lượng công tác quản lý, điều hành của Ban giám hiệu theo hướng chuyên biệt hoá với sự phân công phụ trách các mảng công việc; xây dựng nền nếp làm việc khoa học trong nhà trường.

Tham mưu với Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh để đảm bảo đủ số lượng giáo viên, nhân viên. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên với định hướng đáp ứng yêu cầu giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất người học.

Tạo điều kiện cho giáo viên đi học nâng cao trình độ đảm bảo đến năm 2020 có 15,0% đạt trên chuẩn.

Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất, tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi học sinh.

Đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất trong thực hiện nhiệm vụ CNTT cũng như thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo yêu cầu mới; đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong dạy học và công tác quản lý.

Áp dụng các chuẩn vào việc đánh giá hoạt động của nhà trường về công tác quản lý, giảng dạy.

Triển khai chương trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh; tạo nhiều hoạt động giao lưu để học sinh có điều kiện thích ứng và hoà nhập. Tăng cường trao đổi, hợp tác và tư vấn nghề cho học sinh. Tăng cường công tác tư vấn tâm lý, hỗ trợ học sinh.

Phần đầu trường đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc, đến năm học 2021 - 2022 được Bộ Giáo dục và Đào tạo Bằng khen để làm tiền đề đăng ký Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ sau năm 2022.

Duy trì chỉ tiêu trường đạt chuẩn Quốc gia.

Phần III. PHƯƠNG HƯỚNG, CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THPT HẢI ĐÔNG GIAI ĐOẠN 2017 - 2022

I. Định hướng chiến lược

1. Phân đấu đến năm 2022

Trường THPT Hải Đông sẽ là:

Cơ sở giáo dục hai cấp học (THCS và THPT) đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân địa phương.

Một trường phổ thông có nhiều cấp học hoạt động theo các tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng đạt chuẩn quốc gia.

Cơ sở giáo dục tiên phong, nòng cốt cho hệ thống giáo dục huyện Tiên Yên và tỉnh Quảng Ninh.

2. Sứ mệnh

Tạo dựng được môi trường học tập và rèn luyện có nền nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục ở mức khá, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân.

3. Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường

Dân chủ, kỷ cương.

Tình thương, trách nhiệm.

Đoàn kết, tận tâm.

Sáng tạo, đổi mới.

Hợp tác, chia sẻ.

II. Mục tiêu, chỉ tiêu và phương châm hành động

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại; đáp ứng đầy đủ và vượt các tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

2. Mục tiêu cụ thể

Giáo dục và giảng dạy cho học sinh nắm được nhưng kiến thức, kỹ năng cơ bản của tất cả các môn học, có kiến thức nền tảng để tiếp tục học lên cao hơn hoặc đi vào trực tiếp lao động sản xuất, biết cách giải quyết các vấn đề một cách độc lập, sáng tạo; biết cách học và tự học, có ý thức tự giác, thật thà, thân thiện, hoà nhập và chia sẻ, có phong cách, lối sống đẹp phù hợp với truyền thống dân tộc và hiện đại.

3. Chỉ tiêu cụ thể

3.1. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

Đảm bảo đủ biên chế được giao về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ dạy học, giáo dục.

Bảng 5: Số lượng biên chế theo từng năm học

TT	Năm học	Số lớp	Số CBQL	Số GV	Số nhân viên	Tổng số CBGVNV
1	2017 - 2018	19	4	40	6	50
2	2018 - 2019	19	4	40	6	50
3	2019 - 2020	19	4	40	6	50
4	2020 - 2021	19	4	40	6	50
5	2021 - 2022	19	4	40	6	50

Bảng 6: Chỉ tiêu cán bộ, giáo viên theo trình độ đào tạo

Năm học	Tổng số	Trình độ đào tạo			Hình thức đào tạo		
		Cao đẳng	Đại học	Thạc sĩ	Chính quy	Tại chức	Cử tuyển
2017 - 2018	50	10	38	2	40	9	1
2018 - 2019	50	7	40	3	37	12	1
2019 - 2020	50	4	42	4	34	15	1
2020 - 2021	50	0	46	4	30	19	1
2021 - 2022	50	0	44	6	30	19	1

Bảng 7: Chỉ tiêu chất lượng và trình độ tay nghề đội ngũ giáo viên

Năm học	Số lượng	Đánh giá xếp loại			
		Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu
2017 - 2018	50	12	33	05	
2018 - 2019	50	13	33	04	
2019 - 2020	50	14	34	02	
2020 - 2021	50	14	34	02	
2021 - 2022	50	16	36	00	

Bảng 8: Chỉ tiêu sự phát triển của đội ngũ giáo viên

Năm học	TS	Nữ	Sinh hoạt chính trị		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ						Độ tuổi trung bình	
			Đảng viên	Đoàn viên	Đại học	Trên ĐH	GVG Tỉnh	GVG CS	CSTĐ CS	LĐT	Dưới 30 tuổi	Trên 30 tuổi

2017 - 2018	50	30	15	26	38	2	2	26	6	50	20	30
2018 - 2019	50	30	17	24	40	3	2	27	7	50	17	33
2019 - 2020	50	30	19	23	42	4	4	28	7	50	17	33
2020 - 2021	50	30	21	20	46	4	4	29	7	50	15	35
2021 - 2022	50	30	22	20	46	4	4	29	7	50	15	35

Giáo viên nam dưới 45 tuổi, nữ dưới 40 tuổi sử dụng thành thạo máy tính phục vụ cho giảng dạy và học tập; 50% giáo viên biết sử dụng ngoại ngữ. 70,0% tiết dạy có sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin; có trên 15,0% cán bộ và giáo viên có trình độ thạc sỹ; 100,0% giáo viên Tiếng Anh đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ theo quy định.

3.2. Học sinh

3.2.1. Quy mô trường lớp

Tổng số lớp học 19 lớp; tổng số học sinh từ 600 đến 750 em.

Bảng 9: Quy mô lớp học, học sinh

Năm học	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12		Tổng	
	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp
	HS	lớp	HS	lớp	HS	lớp	HS	lớp	HS	lớp	HS	lớp	HS	lớp	HS	lớp
2017-2018	72	2	98	3	96	3	66	2	105	3	105	3	104	3	646	19
2018-2019	68	2	72	2	98	3	96	3	105	3	105	3	105	3	649	19
2019-2020	98	3	68	2	72	2	98	2	120	3	105	3	105	3	666	19
2020-2021	105	3	98	3	68	2	72	2	120	3	120	3	105	3	688	19
2021-2022	112	3	105	3	98	3	68	2	120	3	120	3	120	3	743	20

3.2.2. Chất lượng giáo dục văn hóa

- Xếp loại học lực của học sinh:

Bảng 10: Chỉ tiêu xếp loại học lực từ năm 2017- 2018 đến 2021 - 2022

Năm học	Tổng số HS	Xếp loại học lực				
		Giỏi (%)	Khá (%)	TB (%)	Yếu (%)	Kém (%)
2017 - 2018	646	6,5	51,2	40,7	1,6	0,0
2018 - 2019	649	6,7	52,1	39,9	1,3	0,0
2019 - 2020	666	6,9	52,6	39,3	1,2	0,0
2020 - 2021	688	6,9	52,9	39,3	0,9	0,0
2021 - 2022	743	7,1	54,6	37,7	0,6	0,0

- Tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp trên 95,0%

- Thi đỗ đại học, cao đẳng: Trên 50,0% số học sinh đăng ký dự thi.

- Thi đỗ tuyển sinh 10 công lập: Trên 60,0% số học sinh đăng ký dự thi.

- Thi học sinh giỏi tỉnh: Mỗi năm đạt trên 10 giải học sinh giỏi cấp tỉnh các môn tham dự.

3.2.3. Chất lượng giáo dục đạo đức

- Xếp loại hạnh kiểm của học sinh:

Bảng 11: Chỉ tiêu xếp loại hạnh kiểm từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022

Năm học	Tổng số học sinh	Xếp loại hạnh kiểm			
		Tốt (%)	Khá (%)	TB (%)	Yếu (%)
2017 - 2018	646	64,24	26,63	8,67	0,46
2018 - 2019	649	67,33	24,65	7,70	0,31
2019 - 2020	666	66,82	25,38	7,51	0,30
2020 - 2021	688	65,84	26,74	7,12	0,29
2021 - 2022	743	66,42	26,81	6,77	0,00

- Số học sinh xếp loại khá, tốt: Trên 95,0%.

- Số học sinh xếp hạnh kiểm yếu: Không quá 0,5%.

Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, tích cực tự nguyện tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động ngoại khóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tình nguyện.

Đáp ứng được nhu cầu mong muốn của cha mẹ học sinh. Học sinh rèn thói quen cách tự học một cách chủ động, sáng tạo.

3.3. Cơ sở vật chất

- Phòng học, phòng làm việc, phòng phục vụ được sửa chữa, nâng cấp, trang bị các thiết bị phục vụ dạy, học và làm việc đạt chuẩn.

- Các phòng Tin học, thí nghiệm, thực hành được trang bị nâng cấp theo hướng hiện đại; 100,0% phòng học có máy chiếu cho giáo viên sử dụng.

- Đạt mức độ 1 (trường chuẩn quốc gia) theo Thông tư số 47/2012/TT-BGDĐT ngày 07/12/2012 của Bộ GDĐT.

- Xây dựng môi trường sư phạm “Xanh - sạch - đẹp - an toàn”; “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

4. Phương châm hành động: Chất lượng là uy tín, danh dự của nhà trường.

III. Chương trình hành động

1. Tích cực đổi mới công tác quản lý giáo dục

Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý, phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tạo động lực để cán bộ, giáo viên, nhân viên tự giác, tự chủ đối với hoạt động chuyên môn thông qua một cơ chế khoa học, chặt chẽ, lấy hiệu quả chuyên môn làm thước đo để đánh giá sự cống hiến và phân phối lợi ích.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện cơ chế “một cửa” trong nhà trường, nhằm tạo ra một cơ chế quản lý gọn, nhẹ, hiệu quả. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục, sử dụng các phần mềm phục vụ quản lý nhân sự, quản lý điểm, xếp loại học sinh, quản lý thư viện, tài sản nhà trường.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện tốt các chủ trương về công khai chất lượng giáo dục, nguồn lực cho giáo dục, phát huy tác dụng của hoạt động giám sát xã hội về chất lượng và hiệu quả giáo dục; thực hiện chế độ tài chính đúng quy định, chống lạm thu, thu sai quy định.

Tích cực đổi mới, tăng cường công tác kiểm tra. Kết hợp giữa kiểm tra có báo trước và kiểm tra đột xuất, tạo nề nếp chủ động trong dạy học và hoạt động thường xuyên, hạn chế hiện tượng đối phó trong hoạt động chuyên môn; đặc biệt công tác kiểm tra nội bộ trường học.

Quản lý tốt hoạt động dạy học, hoạt động dạy thêm học thêm; tăng cường quản lý chất lượng dạy học. Tăng cường quản lý hoạt động chuyên môn theo hướng chuyên sâu, chuyên ngành giám sát các thủ tục hành chính.

Thực hiện tốt công tác kiểm định chất lượng giáo dục; công khai hóa kết quả kiểm định, thanh tra, kiểm tra đánh giá.

Xây dựng hệ thống website của nhà trường làm phương tiện cầu nối giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong quản lý, giáo dục học sinh cũng như việc công khai các điều kiện dạy học, chất lượng giáo dục, các nguồn thu... của nhà trường.

Người phụ trách: Ban giám hiệu, tổ trưởng chuyên môn, văn phòng.

2. Xây dựng, củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng; có phẩm chất chính trị; có năng lực chuyên môn tốt; có trình độ tin học, ngoại ngữ cơ bản, có phong cách sư phạm mẫu mực. Đoàn kết, tâm huyết, gắn bó với nhà trường, hợp tác, chia sẻ giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Làm tốt công tác quy hoạch cán bộ, phân công sắp xếp đúng người, đúng việc, đúng năng lực sở trường; tập trung ưu tiên bồi dưỡng đội ngũ giáo viên trẻ, giáo viên cốt cán.

Xây dựng chế độ phụ cấp ưu đãi có tính chất động viên, tạo môi trường thuận lợi để thu hút động viên các cán bộ, giáo viên, nhân viên giỏi, có năng lực, tận tâm với nghề, yêu trường lớp.

Người phụ trách: Ban giám hiệu, tổ trưởng chuyên môn.

3. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục học sinh

Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện, đặc biệt là chất lượng giáo dục đạo đức và chất lượng văn hoá. Đổi mới phương pháp dạy học và đánh

giáo học sinh phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình và đối tượng học sinh. Đổi mới các hoạt động giáo dục, hoạt động tập thể; gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn; giúp học sinh có được những kỹ năng sống cơ bản.

Người phụ trách: Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm.

4. Cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục

Xây dựng, đề xuất cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất trang thiết bị giáo dục theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá.

Bảo quản và sử dụng hiệu quả, lâu dài.

Người phụ trách: Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất, tổ trưởng tổ văn phòng, kế toán, nhân viên thiết bị.

5. Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin

Triển khai rộng rãi việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy, xây dựng kho học liệu điện tử, thư viện điện tử... góp phần nâng cao chất lượng quản lý, dạy và học. Động viên cán bộ, giáo viên, nhân viên tự học hoặc theo học các lớp bồi dưỡng để sử dụng được các phần mềm phục vụ cho công việc, giảng dạy..., đến năm 2022 mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên tự mua sắm được máy tính cá nhân.

Người phụ trách: Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn, tổ trưởng chuyên môn, bộ môn Tin học, giáo viên, nhân viên.

6. Huy động mọi nguồn lực xã hội vào hoạt động giáo dục

Phát huy thế mạnh trường đạt tiêu chuẩn đơn vị văn hoá; thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Huy động được các nguồn lực của xã hội, cá nhân tham gia vào việc phát triển nhà trường. Nguồn lực tài chính bao gồm: Ngân sách nhà nước; ngoài ngân sách (từ xã hội, cha mẹ học sinh, cựu học sinh...). Nguồn lực vật chất bao gồm: Khuôn viên nhà trường, phòng học, phòng làm việc và các công trình phụ trợ; trang thiết bị giảng dạy, công nghệ thông tin phục vụ dạy và học. Các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, giáo dục ngoài giờ chính khóa, trải nghiệm sáng tạo, các cuộc thi...

Người phụ trách: Ban giám hiệu, Ban chấp hành công đoàn, Ban chấp hành Đoàn trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh, giáo viên chủ nhiệm.

7. Xây dựng hình ảnh, uy tín của nhà trường

Xây dựng hình ảnh, thương hiệu và tín nhiệm của xã hội, địa phương, nhân dân đối với nhà trường.

Xác lập tín nhiệm, hình ảnh đối với từng cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh.

Đẩy mạnh tuyên truyền, xây dựng truyền thống nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng hình ảnh của nhà trường.

Người phụ trách: Ban giám hiệu, Ban chấp hành công đoàn, Ban chấp hành Đoàn trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh học sinh.

Phần IV. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI, THEO DÕI, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ PHƯƠNG HƯỚNG, CHIẾN LƯỢC

I. Phổ biến phương hướng, chiến lược

1. Tuyên truyền và xác lập nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của “Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017 - 2022”.

2. “Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017 - 2022” được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh, học sinh, chính quyền địa phương và các tổ chức, cá nhân quan tâm đến nhà trường.

II. Tổ chức điều hành

Ban chỉ đạo thực hiện “Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017 - 2022” là bộ phận chịu trách nhiệm điều hành quá trình triển khai “Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017 - 2022”.

Điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường sau từng năm, giai đoạn gắn với thực tế của nhà trường. Xây dựng các giải pháp cụ thể để thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

III. Lộ trình thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

1. Từ năm 2017 đến năm 2018

Xác lập nền nếp kỷ cương theo tiêu chuẩn và đưa các hoạt động giáo dục đi vào nền nếp.

2. Từ năm 2018 đến năm 2019

Tiếp tục phát huy, khẳng định uy tín và hình ảnh của nhà trường là một cơ sở giáo dục mạnh của tỉnh, chất lượng giáo dục toàn diện đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

3. Từ năm 2019 đến năm 2022

Thực hiện các sứ mệnh của chiến lược phát triển nhà trường để “tạo dựng được môi trường học tập và rèn luyện có nền nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục cao, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực, khả năng của bản thân”.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Đối với Hiệu trưởng

Tổ chức triển khai thực hiện “Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017 - 2022” tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh nhà trường. Thành lập Ban kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch trong từng năm học.

2. Đối với các Phó Hiệu trưởng

Theo nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện “Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017 - 2022”, đề xuất những giải pháp để thực hiện.

3. Đối với các tổ chức đoàn thể

Đẩy mạnh tuyên truyền vận động cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và học sinh hăng hái thi đua thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị cơ bản của từng năm học; làm tốt công tác tham mưu, đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường.

4. Đối với tổ trưởng chuyên môn

Tổ chức thực hiện “Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017 - 2022” trong tổ; kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên; tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất các giải pháp để thực hiện.

5. Đối với cá nhân cán bộ, giáo viên, nhân viên

Căn cứ “Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017 - 2022”, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, năm học; đề xuất các giải pháp để thực hiện.

6. Đối với đội ngũ học sinh và cha mẹ học sinh

Thực hiện nghiêm nền nếp, kỷ cương; thực hiện tốt công tác tuần, tháng, học kỳ... dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm và tổ chức Đoàn thanh niên.

Tích cực tham gia vào hoạt động quản lý học sinh, các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội. Tham gia tích cực trong các hoạt động học tập và rèn luyện, hoạt

động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoài giờ chính khóa...

Đẩy mạnh hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh một cách có hiệu quả, làm tốt cuộc vận động xã hội hoá giáo dục trong và ngoài nhà trường.

Phần V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh

Phê duyệt và tạo điều kiện tốt nhất cho nhà trường triển khai thực hiện “Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017 - 2022”.

Hỗ trợ, hướng dẫn về cơ chế chính sách, giúp nhà trường về công tác tham mưu với UBND tỉnh để được ưu tiên về mặt tài chính, nhân lực nhằm thực hiện các mục tiêu của “Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017 - 2022”.

2. Đối với chính quyền địa phương

Thường xuyên quan tâm đến sự phát triển của Trường THPT Hải Đông, tạo điều kiện cơ chế chính sách, giúp nhà trường thực hiện các mục tiêu của “Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017 - 2022”.

Hỗ trợ tài chính và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của nhà trường đảm bảo tốt cho điều kiện dạy và học, đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia, theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá.

Với truyền thống và sự quyết tâm của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường và sự chỉ đạo, lãnh đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo; sự đồng thuận của xã hội và cha mẹ học sinh, Trường THPT Hải Đông sẽ phát triển hơn nữa, đáp ứng sự kỳ vọng của các cấp lãnh đạo, nhân dân và đáp ứng được mục tiêu đặt ra./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Quảng Ninh;
- UBND huyện Tiên Yên;
- Chi bộ; Ban giám hiệu;
- Ban đại diện CMHS trường, các lớp;
- Công đoàn, Đoàn trường;
- Các tổ chuyên môn, văn phòng;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Dương Tiến Công

Số: **156** /CL-THPTHĐ

Tiên Yên, ngày **05** tháng 9 năm 2019

PHƯƠNG HƯỚNG, CHIẾN LƯỢC
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THPT HẢI ĐÔNG
GIAI ĐOẠN 2017 - 2022 (BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH)

Căn cứ vào Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017 - 2022 (văn bản số 156/CL-THPTHĐ ngày 10/7/2017);

Căn cứ biên bản rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2017 - 2022 ngày 03/9/2019;

Căn cứ tình hình thực tế của đơn vị;

Trường THPT Hải Đông bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2017 - 2022 với các nội dung cụ thể như sau:

I. Căn cứ bổ sung, điều chỉnh

Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Hướng dẫn số 3106/HD-SGDĐT ngày 23/11/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh về việc thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thông tư số 14/2018/TTBGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

Biên bản hội nghị toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường họp ngày 03/9/2019 rà soát, bổ sung, điều chỉnh Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017 - 2022;

II. Về thực trạng tình hình đội ngũ cán bộ, giáo viên năm học 2019 - 2020 và tiến độ thực hiện phương hướng chiến lược

1. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 43 người (17 nam, 26 nữ), chia ra:

Cán bộ quản lý: 03 (02 trình độ thạc sĩ, 01 trình độ đại học, 02 trung cấp chính trị 01 cao cấp chính trị).

Nhân viên: 04 (01 trình độ đại học, 02 cao đẳng, 01 trung cấp).

Giáo viên thực dạy: 36 với 22 giáo viên nữ (100,0% đạt trình độ chuẩn, có 02 giáo viên có trình độ trên chuẩn tỉ lệ 5,6%).

Tổng số đảng viên: 17 người (tỉ lệ 39,5% trên toàn đơn vị).

2. Về học sinh

Số học sinh tuyển mới là 202 em (khối 6: 83 em; khối 10: 120 em).

Tổng số học sinh của trường: 615 (THCS: 301; THPT: 314), tăng 24 em so với đầu năm học trước, sĩ số bình quân học sinh trên lớp đạt 32 em/lớp

Tổng số lớp 19 (khối 6: 3 lớp; khối 7: 2 lớp; khối 8: 2 lớp; khối 9: 3 lớp; khối 10: 3 lớp; khối 11: 3 lớp; khối 12: 3 lớp), ổn định so với năm học trước.

Học sinh chủ yếu thuộc 3 xã: Đông Ngũ, xã Đông Hải, xã Đại Dục.

Kết quả 2 mặt giáo dục cuối năm học năm học 2018 - 2019

Học lực	Sĩ số	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
THPT	320	14	4,38	181	56,6	121	37,8	1	0,31
THCS	271	27	9,96	122	45,0	113	41,7	5	1,85
Cả trường	591	41	6,94	303	51,27	234	39,59	6	1,02
So với 2017 - 2018			9,29 (-2,35)		54,56 (-3,29)		35,47 (+4,03)		0,68 (-0,34)

Tỷ lệ học sinh đạt học lực giỏi giảm 2,35%, học lực yếu giảm 0,34% so với cùng kỳ năm học trước.

Hạng kiểm	Sĩ số	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
THPT	320	213	66,6	66	20,6	27	8,44	11	3,44
THCS	271	166	61,3	83	30,6	15	5,54	3	1,11
Cả trường	591	379	64,13	149	25,21	42	7,11	14	2,37
So với 2017 - 2018			69,76 (-5,63)		26,01 (-0,79)		2,87 (+4,24)		1,35 (+1,02)

Tỷ lệ học sinh đạt hạnh kiểm tốt giảm 5,63%, hạnh kiểm yếu tăng 1,02% so với năm học trước.

3. Về cơ sở vật chất

Đảm bảo tối thiểu cho hoạt động dạy và học.

Chưa có phòng họp riêng cho tổ chuyên môn.

Chưa có phòng học bộ môn riêng cho các môn Âm nhạc, Mỹ thuật.

Diện tích sân chơi, bãi tập còn chật, chưa đạt tiêu chuẩn quy định.

Một số hạng mục cơ sở vật chất nhà trường đã xuống cấp như dây nhà cấp 4 (dây D); thiết bị dạy học như máy chiếu, máy tính bị mờ, hỏng không sử dụng được; cửa phòng học bộ môn bị mối mọt, sơn tường bong tróc.

4. Tiến độ thực hiện phương hướng, chiến lược

Về chất lượng giáo dục: Tỷ lệ học sinh giỏi giảm; hạnh kiểm tốt, khá giảm nên cần tăng cường các giải pháp để nâng cao hơn nữa chất lượng hai mặt giáo dục để đảm bảo cho công tác kiểm định chất lượng.

Về đội ngũ: Chưa đủ biên chế về giáo viên (thiếu giáo viên các bộ môn Tiếng Anh, Giáo dục công dân, Ngữ văn); việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy còn hạn chế.

III. Các nội dung bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2017 - 2022

Dựa trên cơ sở biên bản rà soát, bổ sung và điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2017 - 2022 về chất lượng giáo dục, về đội ngũ, về cơ sở vật chất, về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; về việc xây dựng thương hiệu nhà trường.

Căn cứ vào các kết quả đã đạt được và các mặt còn tồn tại, hạn chế. Nhà trường bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2017 - 2022 như sau:

1. Về mục tiêu và nội dung thực hiện

1.1 Chỉ tiêu đến năm 2020

1.1.1. Đội ngũ cán bộ, giáo viên

Đủ số lượng về cán bộ quản lý: 4,0 người, nâng cao trình độ về lý luận chính trị: cao cấp chính trị: 1,0.

Năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo viên và công nhân viên được đánh giá khá, giỏi trên 70,0%.

100,0% cán bộ quản lý, giáo viên biết sử dụng máy tính phục vụ tốt cho công tác.

100,0% cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn trình độ và chuẩn năng lực.

Trên 50,0% cán bộ quản lý và trên 10,0% giáo viên có trình độ trên chuẩn.

Tỉ lệ đảng viên trên 40,0%.

Số lượng giáo viên giỏi cấp cơ sở là 26,0; giáo viên dạy giỏi cấp huyện là 6,0; giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh là 3,0.

1.1.2. Học sinh

a. Quy mô:

Lớp học: 19,0 lớp.

Học sinh: Từ 600,0 - 700,0 học sinh.

b. Chất lượng học tập hàng năm:

Số học sinh xếp loại học lực giỏi: Trên 6,0%.

Số học sinh xếp loại học lực khá: Từ 50,0% đến 55,0%.

Tỷ lệ học sinh có học lực yếu < 5,0%, không có học sinh kém.

Tỉ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp trên 95,0%.

Thi đỗ đại học, cao đẳng: Trên 50,0% số học sinh đăng ký dự thi.

Thi đỗ vào lớp 10 công lập: Trên 60,0% số học sinh đăng ký dự thi.

Mỗi năm đạt trên 10,0 giải học sinh giỏi cấp tỉnh các môn tham dự.

c. Chất lượng giáo dục đạo đức:

Số học sinh xếp loại khá, tốt: Trên 95,0%.

Số học sinh xếp hạnh kiểm yếu: Không quá 0,5%.

Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, tích cực tự nguyện tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động ngoại khóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tình nguyện.

Đáp ứng được nhu cầu mong muốn của cha mẹ học sinh; học sinh rèn thói quen cách tự học một cách chủ động, sáng tạo.

1.1.3. Cơ sở vật chất

Tiếp tục chỉnh trang khuôn viên trường lớp và trang thiết bị dạy học hiện đại phục vụ giảng dạy và học tập.

Nâng cấp sân trường và khu giáo dục thể chất.

Nâng cấp khu vệ sinh học sinh và giáo viên; nâng cấp khu nhà công vụ giáo viên.

Trang bị thêm hệ thống máy tính cho phòng Tin học.

1.1.4. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng tập thể

Chi bộ đạt chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Đoàn thanh niên đạt vững mạnh xuất sắc cấp tỉnh.

Phân đấu đạt danh hiệu tập thể Lao động xuất sắc, được UBND tỉnh tặng Bằng khen.

1.2. Chỉ tiêu đến năm 2022

1.2.1. Đội ngũ cán bộ, giáo viên

Đủ số lượng về cán bộ quản lý: 4,0 người, nâng cao trình độ về lý luận chính trị: cao cấp chính trị: 2,0.

Năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo viên và công nhân viên được đánh giá khá, giỏi trên 80,0%.

100,0% cán bộ quản lý, giáo viên biết sử dụng máy tính phục vụ tốt cho công tác.

100,0% cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn trình độ và chuẩn năng lực .

Trên 50,0% cán bộ quản lý và trên 12,0% giáo viên có trình độ trên chuẩn.

Tỉ lệ đảng viên trên 45,0% .

Số lượng giáo viên giỏi cấp cơ sở là 28,0; giáo viên dạy giỏi cấp huyện là 9,0; giáo viên giỏi cấp tỉnh là 5,0.

1.1.2. Học sinh

a. Quy mô:

Lớp học: 19,0 lớp.

Học sinh: Từ 600,0 - 700,0 học sinh.

b. Chất lượng học tập hàng năm:

Số học sinh xếp loại học lực giỏi: Trên 7,0%.

Số học sinh xếp loại học lực khá: Từ 55,0% đến 60,0%.

Tỷ lệ học sinh có học lực yếu < 4,0%, không có học sinh kém.

Tỉ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp trên 97,0%.

Thi đỗ đại học, cao đẳng: Trên 50,0% số học sinh đăng ký dự thi.

Thi đỗ tuyển sinh 10 công lập: Trên 65,0% số học sinh đăng ký dự thi.

Mỗi năm đạt trên 12,0 giải học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa.

c. Chất lượng giáo dục đạo đức:

Số học sinh xếp loại khá, tốt: Trên 95,0%.

Số học sinh xếp hạnh kiểm yếu: Không quá 0,3%.

Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, tích cực tự nguyện tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động ngoại khóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tình nguyện.

Đáp ứng được nhu cầu mong muốn của cha mẹ học sinh; học sinh rèn thói quen cách tự học một cách chủ động, sáng tạo.

1.1.3. Cơ sở vật chất

Tiếp tục chỉnh trang khuôn viên trường lớp và trang thiết bị dạy học hiện đại phục vụ giảng dạy và học tập.

Nâng cấp sân trường và khu giáo dục thể chất.

Nâng cấp khu vệ sinh học sinh và giáo viên; nâng cấp khu nhà công vụ của giáo viên.

Trang bị thêm hệ thống máy tính cho phòng Tin học.

1.1.4. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng tập thể

Chi bộ đạt chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Đoàn thanh niên đạt vững mạnh xuất sắc cấp tỉnh.

Phân đấu đạt danh hiệu tập thể Lao động xuất sắc, được Bộ giáo dục tặng Bằng khen.

Hoàn thành đánh giá ngoài (đạt mức độ 2) lần thứ nhất và được công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

2. Về lộ trình thực hiện phương hướng, chiến lược

2.1. Giai đoạn 1: Từ năm 2019 - 2020

Nâng cao chất lượng học sinh, tăng cường bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, hoàn thiện cơ sở vật chất nhà trường.

2.2. Giai đoạn 2: Từ năm 2020 - 2022

Tiếp tục củng cố, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã triển khai ở giai đoạn 2019-2020.

Xây dựng Trường THPT Hải Đông thành trường THPT đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cho việc thực hiện đổi mới toàn diện nội dung, chương trình giáo dục phổ thông.

Nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn, chất lượng giáo dục toàn diện góp phần hoàn thành các chỉ tiêu để đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2.

Tăng cường việc bồi dưỡng cho giáo viên để giáo dục toàn diện cho học sinh, phát triển tốt về thể chất, năng lực và kỹ năng, đáp ứng được yêu cầu nghiên cứu khoa học và hội nhập quốc tế.

Xây dựng thêm các hạng mục, mua sắm cơ sở vật chất và nâng cấp các công trình sẵn có theo hướng đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giáo dục.

Xây dựng, đưa thương hiệu nhà trường lên một tầm cao mới.

III. Tổ chức thực hiện

1. Đối với Hiệu trưởng

Tổ chức triển khai thực hiện chiến lược phát triển nhà trường tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh nhà trường.

Thành lập Ban kiểm tra và đánh giá thực hiện chiến lược trong từng năm học. Hàng năm tổ chức sơ kết khi kết thúc năm học và điều chỉnh, bổ sung phương hướng, chiến lược để sát với tình hình thực tế của nhà trường.

Tổ chức tổng kết giai đoạn vào cuối năm học 2021 - 2022; xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cho giai đoạn tiếp theo.

2. Đối với các Phó Hiệu trưởng

Theo nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện chiến lược phát triển nhà trường, đề xuất những giải pháp để thực hiện.

3. Đối với các tổ chức đoàn thể

Đẩy mạnh tuyên truyền vận động cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và học sinh hăng hái thi đua thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị cơ bản của từng năm học; làm tốt công tác tham mưu, đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường.

4. Đối với tổ trưởng chuyên môn

Tổ chức thực hiện chiến lược phát triển nhà trường trong tổ; kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên; tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất các giải pháp để thực hiện.

5. Đối với cá nhân cán bộ, giáo viên, nhân viên

Căn cứ chiến lược phát triển nhà trường, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, năm học; đề xuất các giải pháp để thực hiện.

6. Đối với đội ngũ học sinh và cha mẹ học sinh

Thực hiện nghiêm nề nếp, kỷ cương; thực hiện tốt công tác tuần, tháng, từng kỳ và cả năm học dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm và tổ chức đoàn thanh niên.

Tích cực tham gia vào hoạt động quản lý học sinh, các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội, các hoạt động học tập và rèn luyện, hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoài giờ chính khóa...

Đẩy mạnh hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh một cách có hiệu quả, làm tốt cuộc vận động xã hội hoá giáo dục trong và ngoài nhà trường.

Trên đây là Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017 - 2022 (bổ sung, điều chỉnh), là mục tiêu cơ bản để nhà trường và các bộ phận trong đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện ./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Quảng Ninh;
- UBND huyện Tiên Yên;
- Chi bộ; Ban giám hiệu;
- Ban đại diện CMHS trường, các lớp;
- Công đoàn, Đoàn trường;
- Các tổ chuyên môn, văn phòng;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Ngọc Tuấn

Số: 155/BB-THPTHD

Tiên Yên, ngày 03 tháng 9 năm 2019

BIÊN BẢN HỌP

Về việc rà soát, bổ sung và điều chỉnh một số nội dung sau hai năm thực hiện Phương hướng, chiến lược phát triển của Trường THPT Hải Đông giai đoạn 2017 - 2022

Thời gian: 14h00, ngày 03 tháng 9 năm 2019.

Địa điểm: Phòng họp - Trường THPT Hải Đông.

Thành phần:

Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong hội đồng sư phạm nhà trường (có mặt: 44/46, vắng mặt: 02 - có lý do).

Chủ tọa: Ông Đoàn Ngọc Tuấn, Hiệu trưởng.

Thư ký: Ông Phạm Văn Tiến - Tổ trưởng.

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG HƯỚNG, CHIẾN LƯỢC 02 NĂM (2017 - 2019)

I. Về hiệu quả

1. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục học sinh

Trường THPT Hải Đông, sau hai năm thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường (2017 - 2019) đã nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện, đặc biệt là chất lượng giáo dục đào tạo mũi nhọn, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình và đối tượng học sinh. Đổi mới các hoạt động giáo dục, hoạt động ngoài giờ lên lớp, gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn; giúp học sinh có được những kỹ năng sống cơ bản, một số kết quả cụ thể:

1.1. Chất lượng giáo dục đại trà

1.1.1. Học lực:

Năm học	Tổng số HS	Giỏi		Khá		Tr.bình		Yếu		Kém		TB trở lên	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2017-2018	592	55	9,2	323	54,6	210	35,5	4	0,7	0	0	588	99,3
2018-2019	591	41	6,9	303	51,2	234	39,6	6	1,0	0	0	585	98,9

1.1.2. Hạnh kiểm:

Năm học	Tổng số HS	Tốt		Khá		Tr.bình		Yếu		TB trở lên	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2017-2018	592	413	69,7	154	26,0	17	2,9	8	1,4	584	98,7
2018-2019	591	379	64,1	149	25,2	42	7,1	14	2,4	577	97,6

1.2. Giáo dục mũi nhọn

Năm học	Giải Nhất	Giải Nhì	Giải Ba	Giải KK	Tổng số
2017 - 2018		2	2	10	14
2018 - 2019			2	9	11

Hàng năm nhà trường đều có học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa, cũng như các môn thể dục thể thao.

1.3. Thi THPT quốc gia (thi tốt nghiệp) hàng năm

1.3.1. Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp:

Năm học	Tổng số học sinh dự thi	Tỷ lệ tốt nghiệp (%)
2017 - 2018	97	96/97 (98,9%)
2018 - 2019	105	105/105 (100%)

1.3.2. Học sinh đỗ tốt nghiệp hằng năm biến động tăng giảm không đều giữa các năm nhưng luôn đạt tỷ lệ cao (trên 95,0%).

1.3.3. Chất lượng điểm thi THPT quốc gia, thi tốt nghiệp (đầu ra):

Năm học	Điểm trung bình	Vị trí xếp hạng trong toàn tỉnh
2017 - 2018	4,41	40
2018 - 2019	4,43	42

Mặc dù điểm đầu vào (điểm tuyển sinh lớp 10) của trường còn thấp nhưng kết quả điểm đầu ra hằng năm của trường luôn đứng trong nhóm 50 trường xếp hạng đầu của tỉnh.

2. Xây dựng và phát triển đội ngũ

Xây dựng, củng cố đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, có phẩm chất chính trị, có năng lực chuyên môn tốt, có trình độ tin học, ngoại ngữ cơ bản, có phong cách sư phạm mẫu mực; luôn đoàn kết, tâm huyết, hợp tác, biết chia sẻ, có trách nhiệm, gắn bó với sự phát triển nhà trường.

Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên liên tục được cử đi học các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị..., đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

3. Cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục

Xây dựng cơ sở vật chất trang thiết bị giáo dục theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá; bảo quản và sử dụng hiệu quả, lâu dài; đầu mỗi năm học đều có kế hoạch bổ sung, sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ cho nhu cầu giảng dạy, học tập và nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục ngoài giờ lên lớp, hướng nghiệp.

Các trang thiết bị, cơ sở vật chất sau khi được đầu tư cơ bản đã được bảo quản tốt và khai thác sử dụng tương đối triệt để, phát huy hiệu quả trong công tác dạy và học, cũng như các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường.

Vẫn còn trang thiết bị chưa được khai thác sử dụng nhiều: Bộ trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

Một số thiết bị giáo dục được đầu tư mới đảm bảo phục vụ nhiệm vụ nâng cao chất lượng các giờ học thực hành.

Người phụ trách: Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục, kế toán, nhân viên thiết bị có tâm huyết tận tâm với công việc mình phụ trách.

Hệ thống thư viện được đầu tư hiện đại, các đầu sách hằng năm được chọn lựa trên nhu cầu của giáo viên và học sinh đảm bảo phục vụ tốt công tác dạy và học trong nhà trường.

4. Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin

Nhà trường đã triển khai rộng rãi việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giảng dạy, xây dựng kho học liệu điện tử, thư viện điện tử, nguồn tài nguyên mở... Góp phần nâng cao chất lượng quản lý, dạy và học. Động viên cán bộ, giáo viên, nhân viên tự học hoặc theo học các lớp bồi dưỡng để sử dụng được máy tính phục vụ cho công việc.

Triển khai và hướng dẫn 100,0% cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng hộp thư điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo trong triển khai hoạt động giáo dục của nhà trường.

Quan tâm đầu tư, cải tạo, đề xuất trang bị thêm máy tính cho phòng thực hành bộ môn Tin học.

5. Xây dựng thương hiệu

Xác lập tín nhiệm thương hiệu đối với từng cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, phụ huynh và địa phương.

Đẩy mạnh tuyên truyền, xây dựng truyền thống nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng thương hiệu của nhà trường.

II. Khó khăn và tồn tại

1. Đội ngũ giáo viên, nhân viên

Một bộ phận nhỏ giáo viên chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu đổi mới giảng dạy hoặc quản lý, giáo dục học sinh, lực lượng giáo viên nhà trường còn trẻ và thường xuyên biến động nên ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng nhà trường.

2. Chất lượng học sinh

Còn học sinh có học lực yếu, thái độ học tập, rèn luyện chưa tốt; hiệu quả giáo dục toàn diện chưa được cao.

3. Cơ sở vật chất

Chưa đồng bộ, hiện đại và còn thiếu... nên các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và các hoạt động tập thể đôi khi không thực hiện được theo kế hoạch.

III. Xác định các vấn đề ưu tiên

Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi học sinh, tăng cường tin học, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giáo dục.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên theo chuẩn nghề nghiệp của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy - học và công tác quản lý.

Tích cực trong công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát huy năng lực của đội ngũ giáo viên trẻ.

Nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn, giáo dục đại trà song song với đào tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới của công tác ôn thi đại học, cao đẳng trong giai đoạn mới.

Tiếp tục chỉnh trang cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giáo dục.

B. BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG HƯỚNG, CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG CHO GIAI ĐOẠN TIẾP THEO

1. Về mục tiêu và nội dung thực hiện

1.1 Chỉ tiêu đến năm 2020

1.1.1. Đội ngũ cán bộ, giáo viên

Đủ số lượng về cán bộ quản lý: 4,0 người, nâng cao trình độ về lý luận chính trị: cao cấp chính trị: 1,0.

Năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo viên và công nhân viên được đánh giá khá, giỏi trên 70,0%.

100,0% cán bộ quản lý, giáo viên biết sử dụng máy tính phục vụ tốt cho công tác.

100,0% cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn trình độ và chuẩn năng lực.

Trên 50,0% cán bộ quản lý và trên 10,0% giáo viên có trình độ trên chuẩn.

Tỉ lệ đảng viên trên 40,0%.

Số lượng giáo viên giỏi cấp cơ sở là 26,0; giáo viên dạy giỏi cấp huyện là 6,0; giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh là 3,0.

1.1.2. Học sinh

a. Quy mô:

Lớp học: 19,0 lớp.

Học sinh: Từ 600,0 - 700,0 học sinh.

b. Chất lượng học tập:

Số học sinh xếp loại học lực giỏi: Trên 6,0%.

Số học sinh xếp loại học lực khá: Từ 50,0% đến 55,0%.

Tỷ lệ học sinh có học lực yếu < 5,0%, không có học sinh kém.

Tỉ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp trên 95,0%.

Thi đỗ đại học, cao đẳng: Trên 50,0% số học sinh đăng ký dự thi.

Thi đỗ vào lớp 10 công lập: Trên 60,0% số học sinh đăng ký dự thi.

Mỗi năm đạt trên 10,0 giải học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa.

c. Chất lượng giáo dục đạo đức:

Số học sinh xếp loại khá, tốt: Trên 95,0%.

Số học sinh xếp hạnh kiểm yếu: Không quá 0,5%.

Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, tích cực tự nguyện tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động ngoại khóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tình nguyện.

Đáp ứng được nhu cầu mong muốn của cha mẹ học sinh; học sinh rèn thói quen cách tự học một cách chủ động, sáng tạo.

1.1.3. Cơ sở vật chất

Tiếp tục chỉnh trang khuôn viên trường lớp và trang thiết bị dạy học hiện đại phục vụ giảng dạy và học tập.

Nâng cấp sân trường và khu giáo dục thể chất.

Nâng cấp khu vệ sinh học sinh và giáo viên; nâng cấp khu nhà công vụ giáo viên.

Trang bị thêm hệ thống máy tính cho phòng Tin học.

1.1.4. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng tập thể

Chi bộ đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Đoàn thanh niên đạt vững mạnh xuất sắc cấp tỉnh.

Phấn đấu đạt danh hiệu tập thể Lao động xuất sắc, được UBND tỉnh tặng Bằng khen.

1.2. Chỉ tiêu đến năm 2022

1.2.1. Đội ngũ cán bộ, giáo viên

Đủ số lượng về cán bộ quản lý: 4,0 người, nâng cao trình độ về lý luận chính trị: cao cấp chính trị: 2,0.

Năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đánh giá khá, tốt trên 80,0%.

100,0% cán bộ, giáo viên biết sử dụng máy tính phục vụ tốt cho công tác.

100,0% cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn trình độ và chuẩn năng lực.

Trên 50,0% cán bộ quản lý và trên 12,0% giáo viên có trình độ trên chuẩn.

Tỉ lệ đảng viên trên 45,0% .

Số lượng giáo viên giỏi cấp cơ sở là 28,0; giáo viên dạy giỏi cấp huyện là 9,0; giáo viên giỏi cấp tỉnh là 5,0.

1.1.2. Học sinh

a. Quy mô:

Lớp học: 19,0 lớp.

Học sinh: Từ 600,0 - 700,0 học sinh.

b. Chất lượng học tập hàng năm:

Số học sinh xếp loại học lực giỏi: Trên 7,0%.

Số học sinh xếp loại học lực khá: Từ 55,0% đến 60,0%.

Tỷ lệ học sinh có học lực yếu < 4,0%, không có học sinh kém.

Tỉ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp trên 97,0%.

Thi đỗ đại học, cao đẳng: Trên 50,0% số học sinh đăng ký dự thi.

Thi đỗ tuyển sinh 10 công lập: Trên 65,0% số học sinh đăng ký dự thi.

Mỗi năm đạt trên 12,0 giải học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa.

c. Chất lượng giáo dục đạo đức:

Số học sinh xếp loại khá, tốt: Trên 95,0%.

Số học sinh xếp hạnh kiểm yếu: Không quá 0,3%.

Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, tích cực tự nguyện tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động ngoại khóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tình nguyện.

Đáp ứng được nhu cầu mong muốn của cha mẹ học sinh; học sinh rèn thói quen cách tự học một cách chủ động, sáng tạo.

1.1.3. Cơ sở vật chất

Tiếp tục chỉnh trang khuôn viên trường lớp và trang thiết bị dạy học hiện đại phục vụ giảng dạy và học tập.

Nâng cấp sân trường và khu giáo dục thể chất.

Nâng cấp khu vệ sinh học sinh và giáo viên; nâng cấp khu nhà công vụ của giáo viên.

Trang bị thêm hệ thống máy tính cho phòng Tin học.

1.1.4. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng tập thể

Chi bộ đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Đoàn thanh niên đạt vững mạnh xuất sắc cấp tỉnh.

Phấn đấu đạt danh hiệu tập thể Lao động xuất sắc, được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen.

Hoàn thành đánh giá ngoài (đạt mức độ 2) lần thứ nhất và được công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

2. Về lộ trình thực hiện phương hướng, chiến lược

2.1. Giai đoạn 1: Từ năm 2019 - 2020

Nâng cao chất lượng học sinh, tăng cường bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, hoàn thiện cơ sở vật chất nhà trường.

2.2. Giai đoạn 2: Từ năm 2020 - 2022

Tiếp tục củng cố, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã triển khai ở giai đoạn 2019 - 2020.

Xây dựng Trường THPT Hải Đông thành trường THPT đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cho việc thực hiện đổi mới toàn diện nội dung, chương trình giáo dục phổ thông.

Nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn, chất lượng giáo dục toàn diện góp phần hoàn thành các chỉ tiêu để đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2.

Tăng cường việc bồi dưỡng cho giáo viên để giáo dục toàn diện cho học sinh, phát triển tốt về thể chất, năng lực và kỹ năng, đáp ứng được yêu cầu nghiên cứu khoa học và hội nhập quốc tế.

Xây dựng thêm các hạng mục, mua sắm cơ sở vật chất và nâng cấp các công trình sẵn có theo hướng đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giáo dục.

Xây dựng thương hiệu nhà trường lên một tầm cao mới.

C. KẾT LUẬN

Phương hướng chiến lược là một văn bản có giá trị định hướng cho việc xây dựng và phát triển giáo dục của nhà trường đi đúng hướng trong tương lai, giúp cho nhà trường có sự điều chỉnh hợp lý kế hoạch hàng năm, hàng tháng.

Phương hướng chiến lược còn thể hiện sự quyết tâm của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường nhằm xây dựng cho mình một thương hiệu, địa chỉ giáo dục đáng tin cậy.

Trên cơ sở kết quả rà soát, giao lại cho lãnh đạo nhà trường bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược sát với thực tiễn để trình Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt./.

CHỦ TỌA CUỘC HỌP



Đoàn Ngọc Tuấn

Hiệu trưởng Trường THPT Hải Đông

THƯ KÝ

Phạm Văn Tiến